

Số: 663 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 13 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ quý III, 9 tháng đầu năm
và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2018**
(Tính đến ngày 15/9/2018)

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm có một số thuận lợi, khó khăn đan xen; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi cơ bản được kiểm soát; giá lúa duy trì ở mức cao; giá heo hơi tăng trở lại; các chính sách đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện; công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục thực hiện góp phần nâng cao kiến thức của nông dân và việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi. Tuy nhiên, mưa, nắng đan xen làm biến động môi trường ao nuôi, ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi; giá dừa khô, tôm nuôi các loại, cua, cá tra, mía nguyên liệu và một số loại rau màu xuống thấp gây ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của nông dân.

Về xây dựng nông thôn mới và các công tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ; các ngành, các cấp trong tỉnh tích cực phối hợp, hỗ trợ; cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn ngành và hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh nên các nhiệm vụ đều cơ bản hoàn thành theo kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Ban cán sự UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành 01 kế hoạch, 01 chỉ thị⁽¹⁾; xây dựng dự thảo 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh⁽²⁾; 01 Quyết định quy phạm pháp luật⁽³⁾; 01 quyết định thông thường⁽⁴⁾

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 09 kế hoạch, 01 phương án và 01 đề án⁽⁵⁾; đang trình phê duyệt 05 kế hoạch, 02 dự án và 01 đề án⁽⁶⁾; đang hoàn chỉnh để trình phê duyệt 02 đề án, 03 Kế hoạch⁽⁷⁾;

⁽¹⁾ Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 10/5/2018 của Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X); Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 03/8/2018 Tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁽²⁾ Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm; dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa tỉnh

⁽³⁾ Soạn thảo quyết định thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

⁽⁴⁾ Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022 tại Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018.

⁽⁵⁾ Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 13/3/2018 thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 12/4/2018 triển khai thực hiện Kế hoạch số 75-KH/TU của Tỉnh ủy tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/4/2018 thực hiện Đề án "Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểm mới tại vùng ĐBSCL"; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 07/6/2018 Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch hành động phát triển ngành hàng tôm đến năm 2025 ban hành tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27/4/2018; Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2018 phê duyệt tại Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 23/5/2018; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phê duyệt tại Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 23/5/2018; Đề án

Tham mưu Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương VII khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tình hình thực hiện các chính sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Ban hành 47 Kế hoạch, 07 hướng dẫn quy trình kỹ thuật và 890 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành. Chỉ đạo đơn vị chuyên môn tham mưu xây dựng chính sách và định mức kinh tế, kỹ thuật về khuyến nông để thực hiện Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Kịp thời sơ, tổng kết các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân chỉ đạo.

Lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc nhập phòng Kế hoạch, Tài chính; Phòng Chính sách, Thông tin vào Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tham mưu UBND tỉnh thành lập BCD và tổ giúp việc Cổ phần hóa Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thành Công ty cổ phần theo lộ trình từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2020.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Ước tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng đầu năm (giá so sánh 2010) đạt 20.916 tỷ đồng, đạt 80,45% kế hoạch, tăng 7,12% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp 14.023 tỷ đồng đạt 81,79% KH, tăng 5,25%.
- Lâm nghiệp 233 tỷ đồng đạt 76,23% KH, tăng 1,23%.
- Thủy sản 6.661 tỷ đồng đạt 77,89% kế hoạch, tăng 11,5%.

Các chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,73%, đạt 99,7% kế hoạch (tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 60,73%).
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4%, đạt 97,56% kế hoạch.

3. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong quý 57.390 ha, lũy kế đến nay đã gieo trồng 237.171 ha, đạt 87,18% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.533 ha, cụ thể:

phát triển ngành nghề nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2018; Kế hoạch hành động nâng cấp 02 chuỗi giá trị dưa và đậu phộng được phê duyệt tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND và 1477/QĐ-UBND ngày 20/7/2018.

⁽⁶⁾ Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển thủy sản bền vững; Kế hoạch hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2018 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát tạp chất trong tôm nguyên liệu giai đoạn 2018 - 2020. Kế hoạch cấp nước an toàn tại các trạm cấp nước nông thôn năm 2018; Dự án Xử lý, cải thiện môi trường nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; dự án rà soát Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm.

⁽⁷⁾ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án giao rừng, thuê rừng, gắn với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch triển khai chương trình hành động Quốc gia không còn nạn đói trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Cây lúa: Xuống giống 46.392 ha, lũy kế đến nay xuống giống 190.363 ha⁽⁸⁾, đạt 87,87% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.155 ha. Thu hoạch 70.228 ha, lũy kế đến nay đã thu hoạch 138.343 ha⁽⁹⁾, đạt 72,67% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 5,88 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,43 tấn/ha. Sản lượng 818.196 tấn,⁽¹⁰⁾ đạt 70,96% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 92.298 tấn. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong quý 8.025 ha, lũy kế 9 tháng 12.247 ha (giảm 10.525 ha so với cùng kỳ), nhiễm nhẹ 11.685 ha, nhiễm trung bình 964 ha, chủ yếu trong vụ Hè thu. Các đối tượng gây hại gồm: rầy nâu, đạo ôn lá, sâu cuốn lá, cháy bìa lá lem lép hạt gây hại mức độ nhẹ, không ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.447 ha, nâng đến nay gieo trồng 46.808 ha (cao hơn cùng kỳ 1.378 ha), đạt 84,49% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 5.406 ha, màu thực phẩm 26.902 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.500 ha. Diện tích và mức độ nhiễm sâu, bệnh không đáng kể.

Cây lâu năm: Ước diện tích trồng mới 440 ha, nâng diện tích cây lâu năm 39.612 ha, trong đó: Cây ăn trái 17.972 ha, sản lượng 180.427 tấn, đạt 69,4% kế hoạch; Cây dứa 21.640 ha, sản lượng 177.286 tấn, đạt 72,96% kế hoạch. Tuy nhiên, xuất hiện một số đối tượng gây hại trên một số loại cây ăn trái và dứa như sâu đục trái trên cây có múi, bệnh chồi rồng trên cây chôm chôm, nhãn, bệnh đốm nâu trên cây thanh long và bọ cánh cứng hại dứa. Ngành đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn nông dân biện pháp phòng trị góp phần hạn chế tình hình thiệt hại.

Từ đầu năm đến nay đã chuyển đổi được 1.252 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác và kết hợp nuôi thủy sản, trong đó: Chuyển sang trồng cây ngắn ngày 718,7 ha, sang trồng cây ăn trái 195,6 ha, sang trồng dứa 162,9 ha, sang kết hợp nuôi thủy sản 35 ha và sang chuyên nuôi thủy sản 140 ha.

b) Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi bắt đầu phát triển trở lại sau thời gian dài gặp khó khăn. Từ đầu tháng 05 đến nay giá heo hơi tăng nhanh và ở mức cao (trên 50.000 đồng/kg); giá bò hơi, gia cầm đang tăng trở lại nên đàn bò và đàn gia cầm tiếp tục phát triển. Nhiều kỹ thuật và công nghệ mới được ứng dụng vào chăn nuôi, nhất là khâu lai tạo giống các loại vật nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường. Ước tính đàn trâu, bò 207.745 con, đạt 98,6%, tăng 8.339 con so cùng kỳ; đàn heo 335.226 con, đạt 95,78% , giảm 5.216 con; gia cầm 4.786 ngàn con, vượt 6,36%, tăng 723 ngàn con.

c) Lâm nghiệp: Trồng 78.000 cây giống lâm nghiệp phân tán, vượt 56% kế hoạch; trồng mới 40 ha rừng phòng hộ, chăm sóc 713 ha, khoán bảo vệ 5.160 ha; tổ chức 258 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 04 trường hợp vi phạm; cấp 14 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay tổ chức 733 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 14 trường hợp vi phạm; cấp 26 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Tuyên truyền, vận động 75 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

⁽⁸⁾ Vụ mùa 1.697 ha, vượt kế hoạch 2,85% , thấp hơn cùng kỳ 670 ha; Vụ Đông xuân 66.418 ha, vượt kế hoạch 10,7%, cao hơn cùng kỳ 6.503 ha; vụ Hè Thu 75.856 ha, đạt 98,51% kế hoạch, (thấp hơn cùng kỳ 1.181 ha); vụ Thu Đông 38.812 ha, đạt 77,8% kế hoạch

⁽⁹⁾ Thu hoạch 100% diện tích vụ Mùa và vụ Đông Xuân; vụ Hè Thu thu hoạch 92,58% diện tích xuống giống

⁽¹⁰⁾ Vụ mùa 7.353 tấn, thấp hơn cùng kỳ 3.352 tấn; vụ Đông Xuân 445.685 tấn, cao hơn cùng kỳ 92.262 tấn; vụ Hè Thu 365.186 tấn, cao hơn cùng kỳ 3.289 tấn.

Trình UBND tỉnh phê duyệt dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án trồng rừng thay thế khi chuyên mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu, hiện đang trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An; xây dựng định mức gieo ươm, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng một số loài cây lâm nghiệp (*bổ sung một số loài chưa được UBND tỉnh phê duyệt*) làm cơ sở thực hiện các dự án lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp chuẩn bị trình UBND tỉnh phê duyệt; Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong quý 73.219 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch 148.292 tấn, đạt 73,5% kế hoạch, tăng 8.012 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 9.931 ha, thu hoạch 43.843 tấn (5.857 tấn cá lóc, 5.228 tấn tôm sú, 19.357 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng đến nay diện tích thả nuôi 36.996 ha, thu hoạch 83.075 tấn, đạt 65,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 844 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 360 triệu con tôm sú giống, diện tích 5.426 ha; 1,5 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 2.259 ha; phát triển thêm 44 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 43.843 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,58 tỷ con tôm sú giống, diện tích 24.625 ha; 4,4 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.259 ha; 212 triệu con cua biển, diện tích 1.120 ha; 180 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 83.075 tấn (cao hơn cùng kỳ 844 tấn).. Tuy nhiên, trong tháng do mưa nhiều môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi đã làm thiệt hại rải rác ở các xã nuôi của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải ở giai đoạn 20-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, hoại tử gan tụy,... Từ đầu vụ nuôi đến nay, đã làm thiệt hại 125 triệu con tôm sú giống (chiếm 8% lượng con giống thả nuôi), diện tích 577 ha (chiếm 2,3%); 689 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 18% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.155 ha (chiếm 15,9%)

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 165 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.229 ha (cá lóc 49,6 triệu con, diện tích 112 ha, cá tra 17 triệu con, diện tích 46 ha); thu hoạch 15.342 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 237 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 3.129 ha (cá lóc 103,6 triệu con, diện tích 212 ha, cá tra 19,5 triệu con, diện tích 46,3 ha); thu hoạch 37.748 tấn, đạt 52,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.407 tấn.

- Khai thác thủy sản: Trên địa bàn tỉnh có 1.196 tàu cá được đăng ký, giảm 03 tàu, tổng công suất 139.393 CV, tăng 6.117 CV (313 tàu có công suất từ 90 CV trở lên, tăng 36 tàu). Sản lượng khai thác 29.377 tấn (2.999 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay sản lượng khai thác 65.217 tấn (8.913 tấn tôm), đạt 87,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.168 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: Sản lượng đạt 4.175 tấn (958 tấn tôm). Nâng đến nay đạt 8.844 tấn (2.545 tấn tôm), đạt 76,2% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 158 tấn.

+ Khai thác hải sản: Sản lượng đạt 25.201 tấn (2.041 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đạt 56.373 tấn (6.368 tấn tôm), đạt 89,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.010 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 4.478 tấn thủy sản (tôm sú 760 tấn, tôm thẻ 2.222 tấn), chế biến 2.842 tấn, tiêu thụ 1.977 tấn, kim ngạch xuất khẩu 13,7 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 10.270 tấn thủy sản (tôm sú 1.193 tấn, tôm thẻ 5.490 tấn), chế biến 6.041 tấn, tiêu thụ 4.766 tấn, kim ngạch xuất khẩu 37 triệu USD.

d) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Các địa phương tổ chức lồng ghép 1.013 cuộc tuyên truyền cho trên 24.742 lượt người; công nhận 4.896 hộ đạt chuẩn nông thôn mới, 06 ấp nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay lồng ghép 1.945 cuộc tuyên truyền cho trên 55.489 lượt người; công nhận 153.509 hộ (đạt 68,74% số phát động) và 244 ấp (chiếm 35,7%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 30 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt 15 - 18 tiêu chí; 30 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 23 xã đạt dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt bình quân/xã là 13,3 tiêu chí, so cùng kỳ tăng 0,8 tiêu chí/xã. Đến nay các địa phương triển khai thực hiện các công trình cơ bản và đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập người dân, giải ngân 40% nguồn vốn phân bổ (kế hoạch vốn 222,1 tỷ đồng). Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020; thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, thẩm tra huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Chương trình bố trí dân cư: Trình quyết toán hoàn thành dự án Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thị trấn Tiểu Cần. Tổ chức khảo sát, đánh giá sự cần thiết đầu tư các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Giải ngân cho hộ và phối hợp UBND xã Hiệp Thạnh kiểm tra tiến độ xây dựng nhà ở của các hộ được bố trí vào vùng dự án.

Kinh tế hợp tác: Thành lập mới 20 HTX lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 86 HTX nông nghiệp, với 5.081 thành viên, diện tích đất tham gia hợp tác là 2.462 ha. Tổ chức 29 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã và tuyên truyền nâng cao nhận thức về hợp tác xã kiểu mới cho 870 lượt người dự. Tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở, ngành tỉnh và địa phương có liên quan về dự thảo kế hoạch phát triển HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020. Triển khai thực hiện dự án đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh năm 2018 thuộc nguồn vốn sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án thí điểm, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020.

Ngành nghề nông thôn: Triển khai thực hiện Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn kết quả đã xây dựng dự án hỗ trợ 04 máy cắt tre, trúc; 01 máy hút chân không; 02 máy đóng nút chay rượu; 01 nhà lưới; 02 nhà máy sấy cá khô, hiện đang tổ chức đấu thầu. Đồng thời, đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm, giai đoạn 2018-2020.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân;

trình phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn tại các trạm cấp nước xã Huyền Hội, Tân An huyện Càng; duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống và lắp mới đồng hồ nước cho 1.944 hộ, nâng tổng số đến nay lắp mới đồng hồ nước cho 112.565 hộ, nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,73%, đạt 99,7% kế hoạch (kế hoạch 91%), trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 60,73% (kế hoạch 61%).

4. Xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 29 dự án (04 dự án hoàn thành, 16 dự án chuyển tiếp và 09 dự án khởi công mới), gồm: 06 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 11 công trình dân dụng; giải ngân 80,12 tỷ đồng, đạt 17,5% kế hoạch vốn phân bổ.

5. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai (PCTT)

Các địa phương tổ chức thực hiện 28 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 24.161 m, khối lượng 77.183 m³. Lũy kế đến nay các địa phương tổ chức thực hiện 373 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 277.357 m, khối lượng 919.580 m³ đạt 92,7% kế hoạch.

Tham gia nghiệm thu kỹ thuật công trình Xử lý sụp lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019; Chuẩn bị kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế công trình Sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển; tổ chức 48 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 08 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 138 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 14 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Kiểm tra 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai trên địa bàn các huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải, kết quả có 06 cơ sở đạt loại A, 08 cơ sở đạt loại B.

Tổ chức 17 lớp tập huấn về công tác PCTT cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 với 430 cán bộ cấp xã dự.

Trong quý, mưa lớn kèm theo dông, lốc gây thiệt hại về nhà ở và sản xuất của người dân một số nơi trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Thiệt hại 40 căn nhà (sập hoàn toàn 20 căn nhà, tốc mái 20 căn), ước giá trị thiệt hại 721 triệu đồng. Tính từ đầu năm đến nay thiệt hại 63 căn nhà, ước tổng thiệt hại 1,049 tỷ đồng.

Từ đầu năm đến nay đã thu quỹ PCTT được 5,043 tỷ đồng, trong đó, nộp bổ sung năm 2017 là 403,28 triệu đồng, nộp theo chỉ tiêu 2018 là 4,64 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý tàu cá:

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 271 cơ sở, thu 102 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và chỉ tiêu an toàn thực phẩm; ra quyết định xử phạt 36 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra 672 lượt cơ sở, phương tiện, thu 191 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 84 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm tra an toàn kỹ thuật 184 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 21 tàu, đăng ký 36 tàu, cấp 38 sổ danh bạ (152 thuyền viên), cấp 160 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 01 tàu. Nâng đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 473 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 87 tàu, đăng ký 135 tàu, cấp 150 sổ danh bạ (628 thuyền viên), cấp 406 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 29 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 5.830 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.412 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 385,7 triệu đồng; cấp 29 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 907,6 tấn. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 12.797 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 16.347 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 953,7 triệu đồng; cấp 72 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 1.363 tấn

7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

a) Công tác bảo vệ thực vật: Phối hợp tập đoàn Lộc Trời tổ chức 33 cuộc thăm đồng hướng dẫn nhận biết sâu bệnh và phòng trị trên lúa cho 640 nông dân ở các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú. Tổ chức 13 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 412 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 62.500 ong ký sinh và 1.000 bọ đuôi kim trong phòng thí nghiệm và phóng thích 10.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay đã tổ chức 33 cuộc thăm đồng hướng dẫn nhận biết sâu bệnh và phòng trị trên lúa cho 640 nông dân dự; tổ chức 14 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 449 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 300.500 ong ký sinh và 7.750 bọ đuôi kim phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa; tổ chức 05 lớp tập huấn cấp phép kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho 550 người.

b) Công tác thú y:

Tiêm phòng cúm 861.778 gia cầm, LMLM 9.280 gia súc, vaccine tai xanh heo 120 con, bệnh dại 5.605 chó, mèo, các bệnh thường xuyên 703.669 gia súc và các loại vaccine khác 1.849.119 liều. Nâng tổng số tiêm phòng cúm 2.471.783 gia cầm (đạt 90% so diện tiêm), LMLM 22.471 gia súc (đàn bò đạt 12,6% so diện tiêm), vaccine tai xanh heo 1.000 con; phòng dại 12.893 chó, mèo, phòng các bệnh thường xuyên 1.242.327 gia súc và các loại vaccine khác 3,13 triệu liều.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh 98.693 con gia súc, 1,1 triệu con gia cầm và 223 tấn sản phẩm động vật. Sử dụng 6.300 lít hóa chất thực hiện thàng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 cho 6,13 triệu m² chuồng trại của 381.425 lượt hộ chăn nuôi. Nâng đến nay kiểm dịch được 335.482 con gia súc, 296 triệu con gia cầm và 539 tấn sản phẩm động vật; sử dụng 14.430 lít hóa chất phun xịt 19,135 triệu m² chuồng trại của 381.425 lượt hộ chăn nuôi.

Kiểm dịch 81 triệu con tôm sú giống, 453 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 32 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 20 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 109,3 triệu con tôm sú

giống, 1.220 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 77 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 104 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (51 mẫu nhiễm đốm trắng).

c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Phối hợp tổ chức 47 lớp tập huấn kiến thức quản lý ATTP cho 2.162 lượt người, cấp phát 2.196 bộ tài liệu; sửa chữa, lắp đặt mới 20 pano tuyên truyền; thông tin trên Đài Truyền hình Trà Vinh 08 kết quả phân tích dư lượng chất độc hại trong nông sản để nhắc nhở cơ sở sản xuất và cảnh báo người tiêu dùng.

Kiểm tra, đánh giá 54 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 29 cơ sở loại A, 25 cơ sở loại B; cấp 22 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 25 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 348 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 182 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 109 cơ sở loại A, 73 cơ sở loại B; cấp 53 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 169 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 604 mẫu (248 mẫu nông sản, 356 mẫu thủy sản) nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 18 mẫu vi phạm.

8. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Thực hiện Đề tài xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm nuôi đã thu hoạch 03 đợt: Đợt 01 năng suất 23 tấn/ha, đợt 02 năng suất 19,7 tấn/ha, đợt 03 năng suất 20 tấn/ha. Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại Trà Vinh, đã đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình. Đề tài cam không hạt đã hoàn thành việc chọn hộ và đấu thầu cây giống, đang tổ chức đấu thầu xây dựng nhà lưới.

Tổ chức 164 lớp tập huấn cho 4.859 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, dưa leo theo hướng an toàn sinh học, rau an toàn, đậu phộng, đậu xanh, môn súp, trồng cây có múi; chăn nuôi gia súc, gà đẹt lót sinh học, kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm thẻ siêu thâm canh, tôm càng xanh, cá lóc; 05 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn trực tiếp 4.372 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 311 lớp tập huấn cho 9.506 lượt nông dân trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 23 cuộc hội thảo, tổng kết cho 1.195 lượt người dự; tư vấn trực tiếp cho 7.474 lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

Kết hợp với Dự án AMD Trà Vinh tổ chức 25 lớp tập huấn tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho 625 lượt cán bộ xã, huyện.

b) Công tác giống

Giống cây trồng: Khảo nghiệm 03 bộ giống lúa bộ A₀, A₁, A₂, diện tích 0,4 ha, lúa trong giai đoạn trở đến chín; khảo nghiệm bộ giống lúa chịu mặn ở vùng lúa tôm tại xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, diện tích 0,2 ha, chuẩn bị thu hoạch;

chuẩn bị thực hiện mô hình bơ sáp, gấc, xoài, chanh; tổ chức sản xuất 14,7 ha lúa giống (05 ha giống cấp nguyên chủng), đã thu hoạch 6,6 ha, sản lượng đạt 28.200 tấn giống; cung ứng 10,34 tấn lúa giống (cấp nguyên chủng 6,42 tấn) 5.711 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 69,54 tấn lúa giống (12,3 tấn) và 7.879 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Nghiệm thu kết thúc mô hình sử dụng trùn quế làm thức ăn ương lươn từ hương lên giống, trọng lượng đạt 350 con/kg; tổ chức 01 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi lươn không bùn trong bể lót bạt cho 30 lượt người dự; cung ứng, điều tiết 5,728 triệu con tôm các loại, 2,3 triệu con cá lóc, 440 ngàn con cua biển, 3.870 kg cá các loại. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã thực hiện được 14 cuộc tập huấn chuyên giao kỹ thuật sản xuất, ương thuần dưỡng giống thủy sản. Tiếp tục chăm sóc 179 con tôm càng xanh cái giả; Phối hợp Trường Đại học Cần Thơ ương ấu trùng tôm càng xanh toàn đực và tôm post lên giống theo công nghệ Biofloc, số lượng 463,5 ngàn con; cung ứng, điều tiết 26,9 triệu con tôm giống các loại, 2,5 triệu con cua biển giống, 13,3 triệu con cá lóc giống và 16 tấn cá các loại.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400, hiện còn 367 con (hao hụt 33 con), vịt được 70 ngày tuổi, trọng lượng trung bình 1,5kg và 09 con dê Boer sinh sản để cung cấp con giống cho địa phương. Cung ứng 967 trứng và 2.830 con gà giống, nâng tổng số đến nay cung ứng 1.837 trứng và 4.047 con gà giống.

7. Tình hình thực hiện chính sách

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ: Đã thu hút được 09 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thuộc các ngành nghề: Chăn nuôi, giết mổ gia súc tập trung, chế biến nông, thủy sản, sản xuất giống,... Tổng số tiền các doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ khoảng 26,1 tỷ đồng, gồm các hạng mục như: Đầu tư hạ tầng bên trong và ngoài hàng rào dự án, hỗ trợ nhập con giống, hỗ trợ mua thiết bị và xử lý nước thải,... Kết quả: 01 dự án đã có quyết định hỗ trợ đầu tư của UBND tỉnh với số tiền 2 tỷ đồng (Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài mua máy móc thiết bị), các dự án còn lại thẩm định chưa đạt yêu cầu. Hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP được thay thế bằng Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, đang chờ thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch - Đầu tư để triển khai thực hiện; ngành đang trình UBND tỉnh ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đến nay đã hỗ trợ đầu tư mua 40 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.479 công trình khí sinh học, 2.788 liều tinh, 60 bình nitơ, đào tạo 29 dẫn tinh viên, giải ngân 28,71 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch vốn phân bổ. Ngành đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện năm 2018 và năm 2019 trình Bộ Tài chính phân bổ vốn.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Không phát sinh mới, đến nay chỉ có 01

dự án được phê duyệt, dự kiến tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP trong quý IV năm 2018.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa với tổng kinh phí phân bổ năm 2018 là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Đang hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần xây dựng phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa để thực hiện. Đến nay, 07 có HTX nông nghiệp xin chủ trương xây dựng cánh đồng lớn. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định 98/2018/NĐ-CP bãi bỏ Quyết định 62/2013/QĐ-TTg. Ngành đã dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh ban hành danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ - TTg: Hoàn thành việc đấu thầu, chuẩn bị tổ chức 09 lớp đào tạo nghề cho 272 lao động nông thôn, kinh phí 300 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ - TTg: Đã đưa 84 cán bộ chuyên môn về làm việc có thời hạn tại 42 HTX nông nghiệp; có 40 HTX nông nghiệp được giải ngân kinh phí hỗ trợ thành lập mới và 12 HTX tổ chức lại hoạt động. Đang tổng hợp báo cáo kết quả đưa cán bộ chuyên môn về làm việc có thời hạn tại các HTX nông nghiệp.

Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ: Đến nay, các tổ chức tín dụng đã giải ngân 144,603 tỷ đồng cho chủ tàu đóng mới 11 tàu cá được UBND tỉnh phê duyệt trên địa bàn huyện Trà Cú và Thành phố Trà Vinh. Hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho 281 tàu cá và 1.779 thuyền viên khai thác xa bờ với tổng số tiền 3,6 tỷ đồng. Hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa cho 01 tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ 07 chuyến biển, với tổng số tiền 280 triệu đồng. Hiện tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP được Chính phủ tiếp tục sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, chuyển từ cơ chế hỗ trợ trước đầu tư sang hỗ trợ sau đầu tư đối với trường hợp đóng mới tàu cá xa bờ; tỉnh đang chờ Bộ Tài chính hướng dẫn để thực hiện.

Chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và Chính sách nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP hiện đang chờ các bộ ngành trung ương hướng dẫn đề ngành tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa thực hiện.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nguồn vốn phân bổ năm 2017, đến nay đã giải ngân được 7,5/19 tỷ đồng để đầu tư trồng màu, trồng cây ăn trái,.... Năm 2018, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch với tổng vốn đầu tư là 27,36 tỷ đồng, hiện nay các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện vốn phân bổ của năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được

Kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn và cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngành đạt cao hơn cùng kỳ (cả trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản). Cơ cấu giá trị sản xuất nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản.

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo xuống giống lúa, thả giống thủy sản theo lịch thời vụ khuyến cáo; năng suất lúa Đông Xuân, Hè Thu đạt cao hơn cùng kỳ; diện tích trồng màu được mở rộng, nhất là các loại rau màu thực phẩm; diện tích nuôi thủy sản được mở rộng nhất là nuôi tôm nước lợ, sản lượng các loại thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao (tôm, cua) đạt cao hơn cùng kỳ (tôm tăng 8.169 tấn); khai thác hải sản được mùa.

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm tiếp tục được kiểm soát; chỉ xảy một số bệnh thông thường, mức độ nhỏ lẻ và thiệt hại không đáng kể. Tình hình chăn nuôi heo, bò, gia cầm phát triển khá.

Chủ động phối hợp tốt các địa phương hướng dẫn người nuôi thường xuyên theo dõi tình hình nuôi thủy sản, phòng chống bệnh trong mùa mưa và hướng dẫn kịp thời cho nông dân xử lý tình hình sâu bệnh trên cây trồng, không để phát sinh ra diện rộng qua những chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng và các thông báo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Đã đưa vào hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu tại Cảng cá Định An.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng vào sản xuất. Một số địa phương chỉ đạo ra quân vớt lục bình, khơi thông dòng chảy trên các tuyến kênh chính.

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện từng bước làm thay đổi được diện mạo và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên góp phần hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Sản lượng thủy sản nuôi nước ngọt đạt thấp, đặc biệt là cá tra. Do giá cả và thị trường tiêu thụ không ổn định nên diện tích thả nuôi và sản lượng giảm đáng kể so cùng kỳ (giảm 7.502 tấn).

Diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt kế hoạch, do nông dân còn nặng về cây lúa; đa phần sản phẩm màu không tồn trữ được lâu, chưa liên kết được đầu ra, thiếu nhân công lao động,

thiếu kỹ thuật, giá cả bấp bênh. Bên cạnh đó, giá lúa ổn định ở mức cao nên không khuyến khích nông dân chuyển đổi.

Công tác tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng vaccine còn nhiều hạn chế; một số nơi chưa quan tâm nhiều cho công tác vận động tiêm phòng; tỷ lệ tiêm phòng một số loại vaccine còn thấp.

Việc cơ giới hóa trong sản xuất lúa chưa được thực hiện nên thiếu nhân công vào thời điểm thu hoạch rộ, dẫn đến tiến độ thu hoạch chậm và giảm năng suất.

Các công trình thủy lợi nội đồng thực hiện còn chậm và chưa đạt kế hoạch, do các thủ tục triển khai thực hiện đúng theo quy định công trình xây dựng cơ bản nhưng địa phương chưa chủ động ngay từ đầu năm; khi triển khai thực hiện rơi vào thời điểm thu hoạch rộ lúa Đông Xuân nên rất khó thực hiện.

Trong công tác xây dựng nông thôn mới chất lượng các tiêu chí chưa được nâng lên (rớt tiêu chí), tỷ lệ hộ, ấp nông thôn mới còn thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Một số công trình xây dựng cơ bản giải ngân chậm do bị vướng trong công tác giải phóng mặt bằng, điều chỉnh lại dự toán theo định mức mới, dự án khởi công mới chưa có quyết định đầu tư.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo của một số Sở, ngành tỉnh, đơn vị trực thuộc và địa phương đôi lúc còn chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời gây khó khăn cho việc tham mưu xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo của ngành.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM

Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm và dự báo tình hình thực tế sản xuất ở địa phương. Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong thời gian còn lại của năm 2018 Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt:

Tập trung chỉ đạo xuống giống và hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông và Mùa, đồng thời xây dựng kế hoạch và chỉ đạo xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2018-2019 theo lịch thời vụ, vận động nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo; tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời.

Tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường tiêu thụ và hiệu quả cao hơn theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo chủ động phòng trừ có hiệu quả trên cây lúa và một số loại cây trồng chính như cây có múi, thanh long, cây dứa, các loại rau, màu,... không để dịch hại lây lan trên diện rộng nhằm đảm bảo năng suất, sản lượng. Hướng dẫn nông dân phòng trị một số đối tượng gây hại

trên cây lúa, cây ăn trái, rau màu và cây dứa. Tiếp tục nhân nuôi và thả ong ký sinh để kiểm soát bọ cánh cứng hại dứa và sâu đục trái bưởi. Tiếp tục theo dõi các mô hình phòng trừ dịch hại tổng hợp và mô hình phòng chống hạn mặn.

b) Chăn nuôi: Chỉ đạo tập trung giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là cúm gia cầm và dịch tả lợn Châu Phi; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trong 3 tháng cuối năm; vận động hộ chăn nuôi cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với dịch tả lợn Châu Phi. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2018, đồng thời chuẩn bị triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các đối tượng chủ lực; đồng thời tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách hỗ trợ người nuôi tại những vùng trọng điểm. Hướng dẫn nông dân cải tạo ao hồ tiếp tục thả nuôi sau khi thu hoạch, khuyến khích thả nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao theo quy trình an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm công nghiệp và siêu thâm canh tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh và ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; quản lý kiểm dịch giống nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Triển khai thực hiện Đề án xây dựng, phát triển kế hoạch hành động truyền thông về công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; rà soát phân vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh.

d) Lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai trồng 48,5 ha rừng tập trung; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2018; tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã. Xây dựng kế hoạch phòng, chống cháy rừng mùa khô năm 2019;

d) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Hoàn thành hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới và Thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Tập trung, dồn sức hỗ trợ các xã đăng ký đạt 19/19 tiêu chí, phấn đấu đến cuối có thêm 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, phấn đấu giải ngân 100% vốn phân bổ. Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Chương trình bố trí dân cư: Lập hồ sơ triển khai thực hiện các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa. Phối hợp với UBND xã Hòa Minh, Đại Phước huyện Càng Long rà soát, đánh giá thực tế số hộ sạt lở, nhu cầu đầu tư dự án và chuẩn bị hồ sơ triển khai thực hiện dự án.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục tổ chức 21 lớp tập huấn củng cố và thành lập mới tổ hợp tác, HTX và nâng cao nhận thức về HTX kiểu mới; triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ HTX như: Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp; phát triển, mở rộng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; truyền thông quảng bá chương trình HTX. Xây dựng dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới.

Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng các mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm bền vững.

Ngành nghề nông thôn: Triển khai các dự án Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135 và Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh và môi trường nông thôn; duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm hiện có, tăng thêm 1.600 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt và phấn đấu vượt chỉ tiêu kế hoạch.

2. Công tác chuyên môn

Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 90 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; theo dõi và tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình để tổ chức nhân rộng.

Chủ động phòng chống lụt bão, thiên tai, nhất là công tác tập huấn, tuyên truyền. Đôn đốc các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương thực hiện Kế hoạch PCTT; Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành kế hoạch tập huấn công tác PCTT các 11 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa, bão, lốc xoáy; thường xuyên kiểm tra đê điều, mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; tập trung khảo sát toàn bộ các tuyến đê sạt lở để khắc phục ứng phó triều cường vào thời điểm cuối năm. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị, địa phương hoàn hành công tác đăng nộp Quỹ PCTT năm 2018.

Kiểm tra tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí, hoàn tất thủ tục, triển khai thực hiện đầu tư 1,2 km kè bờ biển xã Hiệp Thạnh. Tập trung đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản; hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản đã đăng ký.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư và nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất

nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND;... đồng thời tham mưu cụ thể hóa các Nghị định mới được Chính phủ ban hành như Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyển giao kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ và ngọt.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong thời điểm cuối năm; việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn, thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản; giống cây trồng và giống thủy sản.

Các phòng, đơn vị trực thuộc hoàn tất việc triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018 và có báo cáo tổng kết, đánh giá. Đồng thời, chuẩn bị báo cáo tổng kết, đánh giá năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 của ngành và các đơn vị trực thuộc./.

Minh

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

Minh

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Khê

STT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện	KH	TH tháng 9	Quý III/2018	Ước TH 9	Cùng kỳ	Kế hoạch
			năm 2017	2018	2018	2018			
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000	66.418	66.418	110,85%	110,70%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000	66.418	66.418	110,85%	110,70%	110,70%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50	67,10	67,10	113,79%	110,91%	110,91%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000	445.658	445.658	126,14%	122,77%	122,77%
	Vũ Hè Thu								
	- DT gieo sạ	Ha	77.037	77.000	75.856	75.856	98,47%	98,51%	98,51%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	70.683	77.000	49.613	70.228	99,36%	91,21%	91,21%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,2	51,04	52,0	52,00	101,56%	101,88%	101,88%
	- Sản lượng	tấn	361.897	393.000	365.186	365.186	100,91%	92,92%	92,92%
	Vũ Thu Đông								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	49.889	78.000	41.182	46.392	92,99%	59,48%	59,48%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	78.000	78.000			0,00%	0,00%	0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		50,00				0,00%	0,00%
	- Sản lượng	tấn		390.000					
2	Cây màu								
	DT gieo tổng	Ha	45.430	55.400	3.447	10.998	46.808	103,03%	84,49%
	DT thu hoạch	Ha	36.739	51.800	7.601	10.586	41.304	112,43%	79,74%
	Sản lượng	Tấn	1.074.395	1.417.500	147.718	253.030	1.193.267	111,06%	84,18%
2.1	Màu trong thực								
	DT gieo tổng	Ha	5.720	7.750	491	1.332	5.406	94,51%	69,75%
	DT thu hoạch	Ha	5.213	7.750	989	1.543	4.857	93,17%	62,67%
	Sản lượng	Tấn	43.238	61.900	6.429	12.812	40.936	94,68%	66,13%
	Cây bắp								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.544	5.000	278	675	3.200	90,30%	64,00%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.464	5.000	737	998	3.135	90,50%	62,70%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,30	54,0	50,0	54,84	54,8	99,10%	101,48%
	- Sản lượng	Tấn	19.156	27.000	3.685	5.471	17.180	89,68%	63,63%
	Khoai lang								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.053	1.200	83	319	1.106	105,10%	92,21%
	+ Diện tích thu hoạch	"	850	1.200	50	258	873	102,71%	72,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	174,20	158,3	160,7	167,6	172,0	98,74%	108,63%
	+ Sản lượng	Tấn	14.807	19.000	803	4.319	15.016	101,41%	79,03%
Sản									
	- Diện tích gieo trồng	Ha	717	950	81	193	665	92,74%	70,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	582	950	133	185	515	88,49%	54,21%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 9	Quý III/2018	Ước TH 9 tháng năm 2018	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	151,20	157,9	138,1	155,1	160,0	105,82%	101,33%
	+ Sản lượng	Tấn	8.800	15.000	1.837	2.868	8.240	93,64%	54,93%
	Cây có củ khác								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	406	600	49	145	435	106,95%	72,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	317	600	69	103	334	105,36%	55,67%
2.2	Cây thực phẩm								
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	23.915	30.750	2.250	8.814	26.902	112,49%	87,49%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	21.599	30.750	6.401	7.752	25.710	119,03%	83,61%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	481.710	685.300	139.699	167.574	536.169	111,31%	78,24%
	Rau các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	23.357	30.000	2.221	8.752	26.416	113,10%	88,05%
	+ Diện tích thu hoạch	"	21.086	30.000	6.391	7.586	25.250	119,75%	84,17%
	+ Năng suất	Tạ/ha	228,00	228,0	218,6	221	212,0	92,98%	92,98%
	+ Sản lượng	Tấn	480.761	684.000	139.684	167.271	535.300	111,34%	78,26%
	Đậu các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	558	750	30	62	486	87,17%	64,80%
	+ Diện tích thu hoạch	"	513	750	10	166	460	89,67%	61,33%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,50	17,3	14,5	18,20	18,9	102,16%	109,04%
	+ Sản lượng	Tấn	949	1.300	15	302	869	91,61%	66,88%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm								
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	11.681	13.300	263	687	11.086	94,91%	83,35%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	9.927	13.300	211	1.291	10.737	108,16%	80,73%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	549.447	670.300	1.591	72.644	616.161	112,14%	91,92%
	Đậu phộng								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.108	5.200	77	103	4.235	103,09%	81,44%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.598	5.200	32	257	3.782	105,11%	72,73%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,50	51,54	56,64	52,1	52,50	98,13%	101,87%
	+ Sản lượng	Tấn	19.249	26.800	181	1.339	19.856	103,15%	74,09%
	Mía								
	+ Diện tích trồng	Ha	5.495	5.600	22	-	4.814	87,61%	85,96%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.781	5.600	-	705	5.457	114,14%	97,45%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.074	1.100	-	965	1.053,0	98,04%	95,73%
	+ Sản lượng	Tấn	513.479	616.000	-	68.033	579.633	112,88%	94,10%
	Cây lác (cói)								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.078	2.500	164	584	2.037	98,04%	81,48%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện	KH	TH tháng 9	Quý III/2018	Ước TH 9	Cùng kỳ	Kế hoạch
			cùng kỳ năm 2017	vụ/năm 2018	TH tháng 9	Quý III/2018	tháng năm 2018		
		"	1.548,0	2.500	179	329	1.498	96,77%	59,92%
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	108,00	110,0	78,7	99,48	111,3	103,06%	101,18%
	+ Năng suất	Tấn	16.718	27.500	1.409	3.273	16.673	99,73%	60,63%
2.4	Cây trồng khác	Ha							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.114	3.600	443	165	3.414	82,97%	94,82%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.311	3.600	300	867	2.597	78,44%	72,14%
II	Cây lâu năm	Ha	38.404	39.000	440	39.612	103,15%	101,57%	
	- Cây ăn quả	ha	17.731	18.000	180	17.972	101,36%	99,84%	
	+ Diện tích	tấn	177.310	243.000	45.000	180.427	101,76%	74,25%	
	- Cây dừa	ha	20.673	21.000	260	21.640	104,68%	103,05%	
	+ Diện tích	tấn	178.284	260.000	53.000	177.286	99,44%	68,19%	
C	CHĂN NUÔI								
	- Tổng đàn trâu	con	756	700	630	630	83,33%	90,00%	
	- Tổng đàn bò	con	198.650	210.000	207.115	207.115	104,26%	98,63%	
	- Tổng đàn lợn	con	340.442	350.000	335.226	335.226	98,47%	95,78%	
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.063	4.500	4.786	4.786	117,79%	106,36%	
D	LÀM NGHIỆP								
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300	39,9	39,9	199,50%	13,30%	
	- Châm sóc rừng	Ha	626,5	680	713	713	113,80%	104,85%	
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5164	5.519	5.160	5.160	99,92%	93,50%	
	- Số cây làm nghiệp phân tán	1000 cây	1,68	50	78	78	4642,86%	156,00%	
E	THỦY SẢN								
I	Tổng diện tích nuôi	Ha	35.221	52.000	1.606	9.931	36.996	105,04%	71,15%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	3.044	3.500	248	2.229	3.129	102,79%	89,40%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.535	2.000	241	679	1.509	98,27%	75,43%
	Trong đó: + Cá tra	"	38	50	1	36	46	119,74%	91,00%
	+ Cá lóc	"	251	270	19	112	212	84,62%	78,52%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.509	1.500	7	1.551	1.621	107,39%	108,03%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.509	1.500	7	1.551	1.621	107,39%	108,03%
	- Diện tích nuôi khác	"							
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	32.176,8	48.500	1.358	7.702	33.867	105,25%	69,83%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	31.509	47.500	1.358	7.685	33.005	104,75%	69,48%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 9	Quý III/2018	Ước TH 9 tháng năm 2018	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Tôm sú	"	23.596	22.000	670	5.426	24.626	104,36%	111,93%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.957	7.500	603	2.259	7.259	121,87%	96,79%
	+ Cua biển	"	1.956	18.000	84	0	1.120	57,26%	6,22%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	668	1.000	-	17	862	129,04%	86,20%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	140.280	201.600	19.072	73.219	148.292	105,71%	73,56%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	82.231	126.900	9.853	43.843	83.075	101,03%	65,46%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	44.155	71.300	4.582	15.342	37.748	85,49%	52,94%
	- Sản lượng cá	"	43.508	70.000	4.411	14.943	36.660	84,26%	52,37%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	14.162	23.500	721	3.180	6.660	47,03%	28,34%
	Cá lóc	"	19.066	30.000	1.313	5.857	18.515	97,11%	61,72%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	647	1.300	171	399	1.088	168,16%	83,69%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	-						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	38.076	55.600	5.271	28.501	45.327	119,04%	81,52%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	36.397	52.500	5.053	28.038	44.293	121,69%	84,37%
	Trong đó: + Tôm sú	"	9.076	11.800	1.504	5.228	9.139	100,69%	77,45%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	22.296	33.500	2.730	19.357	29.961	134,38%	89,44%
	+ Nuôi cua biển	"	5.025	7.200	819	3.453	5.193	103,34%	72,13%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.679	3.100	218	463	1.034	61,58%	33,35%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	58.049	74.700	9.219	29.376	65.217	112,35%	87,30%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	49.363	63.100	8.096	25.201	56.373	114,20%	89,34%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	20.554,1	26.000	3.510	10.082	24.228	117,88%	93,19%
	- Tôm các loại	Tấn	5.581,4	8.100	558	2.041	6.368	114,10%	78,62%
	- Thủy sản khác	"	23.227,2	29.000	4.028	13.079	25.776	110,97%	88,88%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	8.686	11.600	1.123	4.175	8.844	101,81%	76,24%
	Trong đó: - Cá các loại	"	4209,18	5.500	449	2.112	4.300	102,16%	78,18%
	- Tôm các loại	"	2506,27	3.500	230	958	2.545	101,55%	72,71%
	- Thủy sản khác	"	1.971	2.600	444	1.104	1.999	101,42%	76,88%